

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Lớp  
12



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Nguyễn Ngọc Thái (Tổng Chủ biên) – Vũ Thị Liên Hương (Chủ biên)  
Nguyễn Hoàng Anh – Nguyễn Phương Anh – Quảng Trọng Bạch – Nguyễn Thị Trâm Châu  
Lê Đình Diệp – Phan Đình Độ – Bùi Thị Đông – Cao Thị Thanh Hà – Trần Thị Tuyết Hạnh  
Nguyễn Thị Mai Hương – Trần Thị Thanh Huyền – Phạm Huy Lộc – Huỳnh Ngọc Mỹ – Võ Thị Thuý Nga  
Lưu Thị Nga – Lê Hoàng Nguyên – Lê Văn Phương – Phan Ánh Quang – Nguyễn Văn Pháp  
Huỳnh Trung Sơn – Lương Ngọc Thành – Trần Thanh Thảo – Hà Tấn Thọ – Nguyễn Thị Mỹ Thuận  
Huỳnh Tấn Tuấn – Nguyễn Thị Thuý Trang – Đặng Thị Mai Tâm – Bùi Văn Vàng

**TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG**  
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

Lớp **12**

## Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng sách



### MỞ ĐẦU

Giới thiệu một số nội dung liên quan đến chủ đề, định hướng việc tổ chức các hoạt động học.



### KIẾN THỨC MỚI

Giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến nội dung chủ đề.



### LUYỆN TẬP

Kiểm tra nhận thức của học sinh.



### VẬN DỤNG

Vận dụng các kiến thức đã học để bày tỏ quan điểm của mình về nội dung qua nhiều hình thức: tham quan thực tế, trò chơi, nêu cảm nghĩ.

## LỜI NÓI ĐẦU

*Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 12* bao gồm 7 chủ đề thể hiện những nội dung cơ bản của địa phương, gắn liền với các hoạt động trải nghiệm cụ thể.

Mục tiêu biên soạn của tài liệu này nhằm trang bị cho học sinh những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... giúp học sinh hiểu biết về nơi mình sinh sống, từ đó giáo dục cho học sinh về đạo đức, lối sống, bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

Tài liệu thiết kế theo từng chủ đề với cấu trúc *Mở đầu – Kiến thức mới – Luyện tập – Vận dụng* kết hợp với hình ảnh minh hoạ cụ thể, sống động, giúp học sinh dễ dàng tiếp cận nội dung cuốn tài liệu và thực hành các hoạt động một cách hào hứng, thoải mái, nắm bắt nhanh những thông điệp qua từng nội dung, hoạt động và vận dụng vào thực tế một cách tự nhiên, phù hợp, chính xác.

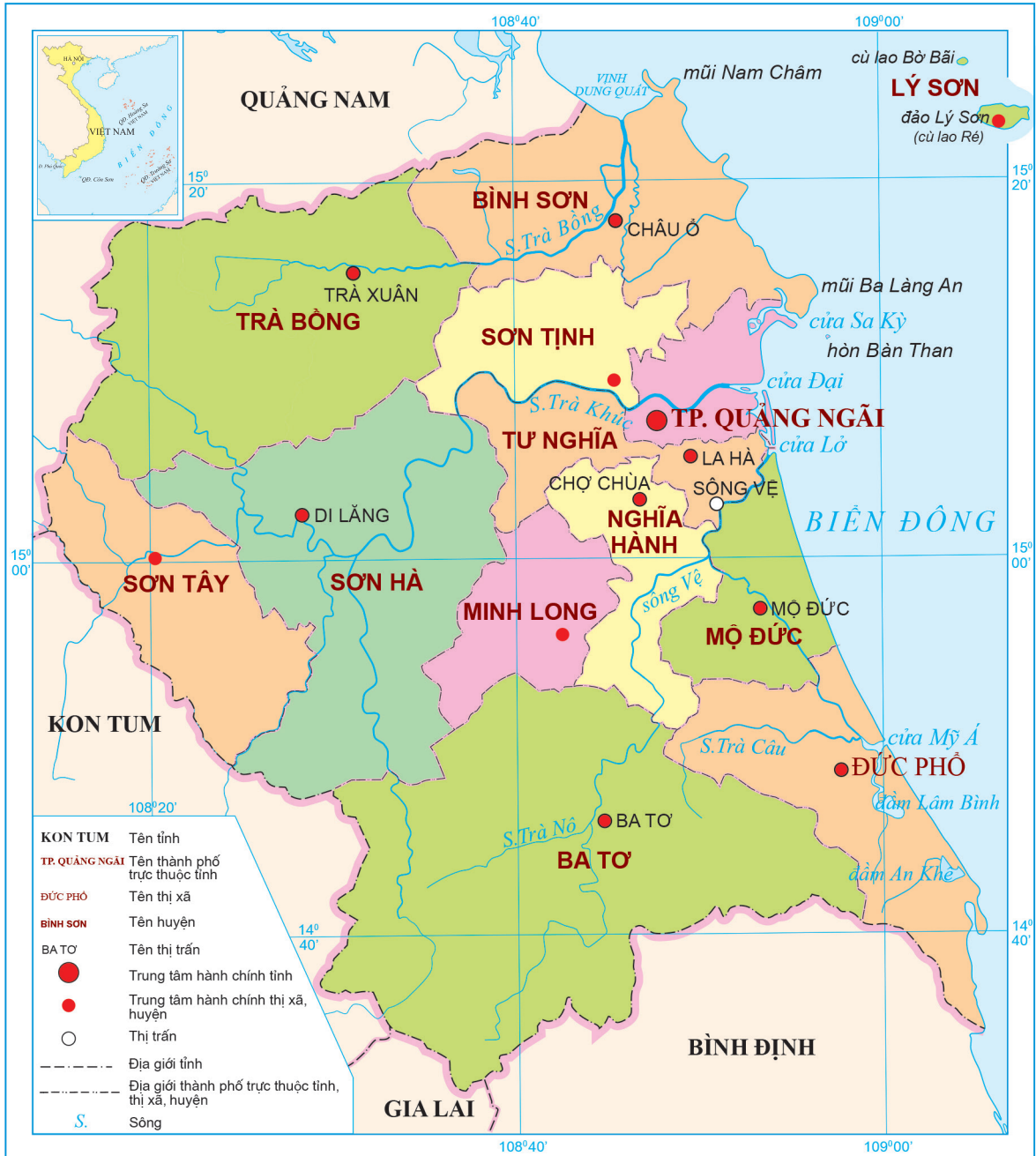
Ban biên soạn rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô giáo, phụ huynh học sinh và bạn đọc để tài liệu đạt chất lượng tốt hơn trong lần tái bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

NHÓM TÁC GIẢ



## LƯỢC ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI



# VẤN ĐỀ KHAI THÁC THỂ MẠNH Ở KHU VỰC ĐỒI NÚI, ĐỒNG BẰNG VÀ VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NGÃI

## Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được thể mạnh và vấn đề khai thác thể mạnh ở khu vực đồi núi, đồng bằng và ven biển gắn với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- Liên hệ xác định được thể mạnh để phát triển kinh tế của địa phương, từ đó có trách nhiệm với quê hương.



Điều kiện tự nhiên, dân cư khác nhau giữa khu vực đồi núi, khu vực đồng bằng và ven biển đã tạo nên các thể mạnh kinh tế đặc trưng cho mỗi khu vực. Việc xác định và phát huy các thể mạnh của từng khu vực sẽ góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.



## 1. Vấn đề khai thác thể mạnh ở khu vực đồi núi

Khu vực đồi núi tỉnh Quảng Ngãi gồm các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ. Khu vực này có dân cư tập trung ít nhưng chiếm đến 62,8% diện tích đất tự nhiên. Chính nguồn lực tự nhiên giàu có cùng với sự đa dạng về văn hoá đã tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội.

### a) Khai thác thể mạnh về lâm nghiệp

Vùng núi tỉnh Quảng Ngãi có diện tích gần 282,9 nghìn ha, là bộ phận lãnh thổ rộng lớn có thể mạnh về lâm nghiệp, cảnh quan rừng núi của tỉnh gắn liền với sườn đông của dãy Trường Sơn Nam hùng vĩ. Tổng diện tích rừng của khu vực đồi núi khoảng 231,1 nghìn ha, chiếm 81,9% diện tích rừng của toàn tỉnh; phần lớn diện tích rừng tập trung ở các huyện: Ba Tơ (93,4 nghìn ha), Trà Bồng (51,6 nghìn ha), Sơn Hà (42,6 nghìn ha). Thảm thực vật rừng bao gồm nhiều loại khác nhau như rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá, rừng tre nứa, rừng trồng. Trong rừng có nhiều loại thực vật, động vật có giá trị kinh tế cao.

Khu vực miền núi hiện đang phát triển mạnh nhiều loại rừng, trong đó chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Nhiều chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng đã thu hút nhiều hộ nông dân tham gia quản lý bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng mới khoảng hàng chục nghìn ha rừng đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần phát triển kinh tế – xã hội và cải thiện đời sống của nhân dân địa phương.

Diện tích rừng trồng cơ bản bảo đảm phục vụ cho các nhà máy sản xuất đồ mộc và chế biến dăm gỗ xuất khẩu. Sự bảo tồn và phát triển vốn rừng như hiện nay đã tạo cơ hội cho nhiều người dân vùng cao, vùng sâu của tỉnh Quảng Ngãi khai thác được tiềm năng kinh tế rừng, ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

Tuy nhiên việc khai thác thế mạnh về lâm nghiệp ở miền núi cũng còn nhiều bất cập trong quản lý và phát triển vốn rừng, sản xuất lâm nghiệp chưa ổn định, kém hiệu quả. Nhiều nơi sử dụng đất lâm nghiệp không đúng mục đích, công tác quản lý rừng chưa chặt chẽ, trình trạng khai thác rừng trái phép vẫn còn xảy ra nhiều nơi đã làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường, phòng, chống thiên tai.



Đọc thông tin ở mục 1 a, hãy cho biết khu vực đồi núi của tỉnh Quảng Ngãi đã khai thác tiềm năng lâm nghiệp như thế nào?

## **b) Phát triển cây dược liệu, cây đặc sản**

Các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi có khí hậu mang tính chất của vùng khí hậu Nam Trung Bộ với nền nhiệt ẩm cao, diện tích đất xám và đất đỏ khá lớn đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất cây dược liệu, cây đặc sản bản địa.

Khu vực miền núi Quảng Ngãi có nhiều loại cây dược liệu quý, có giá trị y học và giá trị kinh tế khá cao như: cây quế Trà Bồng, đẳng sâm, bách bộ, sâm bảy lá một hoa, thiên niên kiện, sa nhân tím, gừng gió, thảo quả, lá khô, lan kim tuyến,... Tại các huyện: Sơn Tây, Trà Bồng đã và đang phát triển vùng chuyên canh cây dược liệu gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, nhiều sản phẩm đã có thương hiệu và giá trị trên thị trường góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân, bảo vệ nguồn gen quý để nhân ra diện rộng.

Tuy nhiên, ở một số địa phương do cách khai thác tùy tiện nên có nguy cơ cạn kiệt một số cây dược liệu quý. Để phát triển hiệu quả và bền vững cần tiếp tục mở rộng diện tích và chủng loại dược liệu hàng hoá có ưu thế trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tiếp tục trồng thử nghiệm (kim tiền thảo, ba kích, cà gai leo, lô hội, đẳng sâm, sa nhân, sâm Ngọc Linh) và trồng cải tạo, bổ sung, thay thế diện tích cây dược liệu đã khai thác; duy trì, phát triển có hiệu quả diện tích cây dược liệu hiện có trên địa bàn tỉnh.





Hình 1.1. Các sản phẩm của cây quế Trà Bồng

### Em có biết?

Huyện Trà Bồng là một trong bốn vùng trồng quế trọng điểm của cả nước. Tính đến năm 2022, diện tích trồng quế ở Trà Bồng lên đến 5.200 ha, sản lượng hàng năm thu hoạch trung bình khoảng 1.600 – 2.000 tấn vỏ quế, trong đó có khoảng 70% xuất khẩu làm tinh dầu và đồ thủ công mỹ nghệ. Cây quế ở Quảng Ngãi đã chiết xuất và tạo ra được 17 sản phẩm được tỉnh công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh. (Nguồn: <https://dantocmiennui.vn>)

### c) Phát triển thủy điện

Quảng Ngãi là một tỉnh thuộc khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, với địa hình dốc và hẹp ngang, kết hợp với lượng mưa hàng năm khá lớn nên một số sông có tiềm năng thủy điện tạo thuận lợi xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.

Tính đến năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 16 nhà máy thủy điện đi vào hoạt động ổn định phát điện lên lưới điện quốc gia với sản lượng khoảng 1,47 tỉ kWh. Các nhà máy thủy điện có công suất lớn như: Thủy điện Đăk Đrinh (công suất 125MW) trên sông Đăk Đrinh tại huyện Sơn Tây, thủy điện Đăk Re (công suất 60MW) trên thượng nguồn của dòng sông Re thuộc hệ thống sông Trà Khúc tại huyện Ba Tơ, Thủy điện Nước Trong (16.5 MW) trên Sông Tang phụ lưu dòng Đăk Đrinh tại huyện Sơn Hà, Tổ hợp thủy điện Sơn Trà (công suất 69MW) tại huyện Trà Bồng.

Các nhà máy thủy điện đã tăng cường khả năng cung cấp điện liên tục và ổn định cho tỉnh Quảng Ngãi, phát huy được tính chủ động cung ứng nguồn điện phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và sinh hoạt của nhân dân trong tỉnh. Diện tích mặt nước vùng lòng hồ có thể phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt kết hợp phát triển du



Hình 1.2. Thủy điện Đăk Đrinh (huyện Sơn Tây)

lịch sinh thái, góp phần tạo việc làm, nâng cao tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho người dân, từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và mục tiêu xoá đói, giảm nghèo tại các huyện miền núi của tỉnh.

Phát triển thủy điện ở khu vực miền núi Quảng Ngãi đã thực hiện nhiều giải pháp như quy hoạch phát triển thủy điện hợp lí, kiểm soát điều tiết việc xả lũ tại các hồ chứa nước thủy điện khoa học, tối ưu. Phát triển thủy điện gắn liền với tái định canh, định cư; kết hợp với giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, tài nguyên sinh vật để đảm bảo phát triển bền vững.



Đọc thông tin ở mục 1.c, hãy kể tên một số nhà máy thủy điện ở Quảng Ngãi. Nêu ý nghĩa của các nhà máy thủy điện đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở khu vực đồi núi.

#### d) Du lịch

Không gian phía Tây thuộc các huyện miền núi có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, với hệ thống cảnh quan thiên nhiên (rừng, thác, sông, suối, hồ,...) phong phú, khí hậu mát mẻ, tài nguyên du lịch nhân văn đa dạng với các lễ hội, văn hoá, trang phục của đồng bào dân tộc thiểu số,... là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sức khoẻ, du lịch văn hoá,...

Du lịch ở nhiều địa phương miền núi đang hình thành và có sự định hình rõ nét. Huyện miền núi Trà Bồng có nhiều cảnh đẹp, cùng khí hậu mát mẻ, văn hoá đa dạng. Đây là điều kiện thích hợp để địa phương phát triển du lịch sinh thái nghỉ

dưỡng và đã hình thành các điểm du lịch như: núi Cà Đam, mỏ nước nóng xã Trà Bình, du lịch tâm linh Điện Trường Bà,... Huyện Ba Tơ có nhiều tài nguyên du lịch như: hồ chứa nước Tôn Dung (thị trấn Ba Tơ), thảo nguyên Bùi Hui (xã Ba Trang), thác Lệ Trinh, thác Tà Manh, thác Cao Muôn, rừng tự nhiên ở núi Cao Muôn, có di tích quốc gia Trường Luỹ Quảng Ngãi, Di tích Quốc gia khởi nghĩa Ba Tơ,... Huyện Minh Long có Thác Trắng đã đầu tư khai thác và phát triển du lịch.

Tiềm năng về văn hoá bản địa ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi cũng rất đa dạng và phong phú. Các dân tộc Kinh, Hre, Co và Ca Dong trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi đã có một bề dày văn hoá lịch sử, văn hoá kiến trúc nhà sàn, nhiều lễ hội và nghề truyền thống ở đây gắn liền với phong tục tập quán, tâm linh và sinh hoạt cộng đồng của người dân tộc Hre, Co và Ca Dong vẫn còn gìn giữ, lưu truyền qua nhiều thế hệ. Các địa phương miền núi đã và đang hướng đến khai thác những giá trị truyền thống đặc sắc này để phục vụ du lịch văn hoá cộng đồng.

Tuy nhiên, hạ tầng và nguồn lực đầu tư phát triển du lịch ở khu vực miền núi còn nhiều hạn chế, nhiều điểm du lịch hình thành mang tính tự phát, thiếu tính kết nối nên hiệu quả chưa cao. Hướng phát triển trong thời gian đến tập trung đầu tư đồng bộ hơn, nhất là về hạ tầng giao thông, các dịch vụ đi kèm và kết nối được chuỗi du lịch. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, quảng bá hình ảnh du lịch địa phương, tăng cường liên kết giữa các điểm du lịch trong tỉnh và liên tỉnh, để khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương.



Hình 1.3. Thảo nguyên Bùi Hui (xã Ba Trang, huyện Ba Tơ)



Hình 1.4. Một nghi thức trong Lễ hội Điện Trường Bà (huyện Trà Bồng)



Đọc thông tin ở mục 1.d, hãy trình bày tình hình phát triển du lịch ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi.

## 2. Vấn đề khai thác thế mạnh khu vực đồng bằng và ven biển

Khu vực đồng bằng và ven biển gồm: thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và Lý Sơn. Khu vực này có dân cư tập trung đông đúc, hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội.

### a) Khai thác thế mạnh nông nghiệp và ngư nghiệp

Khu vực đồng bằng và ven biển có địa hình tương đối bằng phẳng, gồm một dải đồng bằng nhỏ hẹp, chạy dọc từ bắc vào nam nằm ở hạ lưu các con sông của tỉnh, kết hợp với nguồn nước dồi dào từ các hệ thống sông lớn và kênh mương thủy lợi đã tạo cho vùng có thế mạnh trồng cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp hàng năm có giá trị hàng hoá cao.

Diện tích trồng cây lương thực của các huyện đồng bằng và ven biển so với toàn tỉnh là 78,5% và sản lượng cây lương thực của các huyện đồng bằng và ven biển so với toàn tỉnh là 82,4 % (năm 2022). Cây lúa là cây lương thực chủ đạo, phát triển mạnh ở các huyện Bình Sơn, Mộ Đức và Thị xã Đức Phổ. Ngoài cây lúa, ở vùng đồng bằng còn trồng các cây lương thực khác như ngô, khoai lang,...

Cây công nghiệp hàng năm được trồng nhiều như mía, lạc, vừng,... và đã hình thành các vùng chuyên canh năng suất cao. Các loại rau được tập trung sản xuất ở các khu vực có điều kiện thuận lợi như vùng bãi bồi ven các sông lớn của tỉnh.

Hạn chế trong ngành trồng trọt là tình trạng sản xuất quy mô nhỏ, phân tán, hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản chưa cao. Trong thời gian tới cần đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ gắn với thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị sản xuất.

Lợi thế về cơ sở thức ăn và thị trường tiêu thụ lớn đã tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển mạnh ở vùng đồng bằng. Sản lượng lợn đạt 307,1 nghìn con, chiếm 79,2% sản lượng lợn cả tỉnh và gia cầm đạt 5 274,8 nghìn con, chiếm 90,8% sản lượng gia cầm cả tỉnh (năm 2022).

Quảng Ngãi có đường bờ biển dài khoảng 130 km, vùng biển rộng lớn, có ngư trường Hoàng Sa – Trường Sa với nguồn hải sản phong phú, nhiều loài cá quý như cá thu, cá ngừ, cá trích,... tạo thuận lợi cho ngành đánh bắt xa bờ. Dọc bờ biển có nhiều vũng, bãi triều, đầm phá thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản. Hoạt động chế biến hải sản ngày càng đa dạng, phong phú, trong đó nước mắm Sa Huỳnh, Lý Sơn, Mộ Đức là những sản phẩm được ưa chuộng trên thị trường.

Thời gian tới cần khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển bền vững toàn diện các lĩnh vực sản xuất khai thác, nuôi trồng, chế biến và xây dựng kết cấu hạ tầng nghề cá theo hướng bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường, phấn đấu trở thành ngành sản xuất hàng hoá mạnh có cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng

suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Khai thác thủy sản phải đi đôi với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kết hợp bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; nâng cao năng lực, hiệu quả khai thác hải sản xa bờ; bảo tồn, lưu giữ, phục hồi đa dạng sinh học các hệ sinh thái.



Đọc thông tin ở mục 2.a, hãy trình bày thế mạnh để phát triển nông nghiệp và ngư nghiệp ở khu vực đồng bằng và ven biển của tỉnh Quảng Ngãi.

### b) Khai thác thế mạnh công nghiệp

Khu vực đồng bằng có dân cư tập trung đông đúc chiếm tới 79,6% số dân của tỉnh (năm 2022), hệ thống giao thông có Quốc lộ 1, đường sắt Bắc – Nam, cảng nước sâu Dung Quất và nhiều khu công nghiệp có quy mô lớn,... tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động công nghiệp phát triển mạnh mẽ.

Khu vực đồng bằng có lợi thế về nguyên liệu, lao động và thị trường tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm như công nghiệp cơ khí, công nghiệp chế biến thực phẩm – đồ uống, công nghiệp dệt may, da giày,... Hiện nay, các ngành công nghiệp với công nghệ hiện đại được đầu tư xây dựng và phát triển tại Khu kinh tế Dung Quất như: công nghiệp lọc hoá dầu, công nghiệp luyện kim, cơ khí chế tạo. Nhiều dự án công nghiệp được đầu tư và phát triển tại Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp đã thúc đẩy công nghiệp của khu vực đồng bằng và ven biển của tỉnh Quảng Ngãi phát triển nhanh, góp phần chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp có công nghệ, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu.



Hình 1.5. Nhà máy Lọc hoá dầu Dung Quất

Tuy nhiên, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, chất lượng nguồn lao động còn thấp,... đã gây khó khăn cho việc khai thác thế mạnh công nghiệp của khu vực đồng bằng và ven biển. Trong thời gian tới, công nghiệp của khu vực đồng bằng, ven biển sẽ có nhiều thuận lợi hơn để phát triển khi tỉnh đã thu hút được nhiều dự án đầu tư công nghiệp và tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.



Đọc thông tin mục 2.b, hãy giải thích tại sao hoạt động công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi tập trung ở khu vực đồng bằng và ven biển?

### c) Khai thác thế mạnh dịch vụ

Khu vực đồng bằng và ven biển có các ngành sản xuất phát triển, nhất là hoạt động công nghiệp; có cơ sở hạ tầng – kĩ thuật tương đối phát triển và tập trung phần lớn dân cư, lao động của tỉnh đã tạo ra những lợi thế trong phát triển ngành dịch vụ.

Hoạt động thương mại chủ yếu phát triển ở khu vực thành thị và các địa phương đông dân như: thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ, huyện Bình Sơn; ở các huyện khác hoạt động dịch vụ còn hạn chế. Hoạt động thương mại đa dạng, trong đó ngành bán lẻ hàng hoá và dịch vụ lưu trú, ăn uống phát triển khá nhanh. Hạ tầng thương mại ngày càng được đảm bảo, hệ thống chợ, các siêu thị, trung tâm thương mại được đầu tư, phát triển.

Hoạt động giao thông vận tải ở khu vực đồng bằng và ven biển Quảng Ngãi thuận lợi do nằm trên trục giao thông Bắc – Nam của đất nước, có khả năng kết nối nội tỉnh, ngoại tỉnh và quốc tế. Cơ sở hạ tầng giao thông của vùng đang được đầu tư và nâng cấp với hệ thống đường bộ, đường biển, đường sắt đã làm tăng khả năng vận chuyển hàng hoá, hành khách, thúc đẩy kinh tế – xã hội của vùng và của tỉnh Quảng Ngãi phát triển, hội nhập với các vùng khác và quốc tế.

Hoạt động du lịch tỉnh Quảng Ngãi đang phát triển chủ yếu ở khu vực phía đông của tỉnh với sản phẩm du lịch chính là du lịch biển đảo. Trong đó, tập trung chủ yếu tại thành phố Quảng Ngãi và huyện Lý Sơn. Hiện nay, khu vực này đã và đang thu hút các dự án đầu tư về cơ sở vật chất để phát triển du lịch.

Trong thời gian tới, hoạt động dịch vụ của khu vực đồng bằng và ven biển theo hướng đa dạng hoá, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các loại hình dịch vụ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của khu vực và của tỉnh, góp phần thúc đẩy cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.



Đọc thông tin ở mục 2.c, hãy trình bày thế mạnh phát triển dịch vụ giao thông vận tải và du lịch của khu vực đồng bằng và ven biển tỉnh Quảng Ngãi.



## LUYỆN TẬP

1. Cho bảng số liệu:

### GIÁ TRỊ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP CỦA KHU VỰC MIỀN NÚI VÀ TOÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2019	2020	2021	2022
Toàn tỉnh	2870,3	2968,5	3297,5	3777,8
Khu vực miền núi	2173,1	2193,7	2502,8	2888,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2022)

Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học, hãy:

- Nhận xét về khai thác thế mạnh lâm nghiệp ở vùng đồi núi của tỉnh Quảng Ngãi.
- Đề xuất một số giải pháp để phát huy thế mạnh này.

2. So sánh sự khác nhau trong việc khai thác thế mạnh nông nghiệp của vùng đồi núi và vùng đồng bằng và ven biển của tỉnh Quảng Ngãi.



## VẬN DỤNG

Tìm hiểu và viết báo cáo ngắn về một thế mạnh để phát triển kinh tế – xã hội nổi bật của địa phương em sinh sống.